

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đăng Khoa.
2. Bà Phan Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02/11/2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Ánh S**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm Khê Hiệp, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh **Lê Hoài L**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 128 Trần Hưng Đạo, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Chị Dương Thị Ánh S có mặt tại phiên tòa. Anh Lê Hoài L vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02/11/2023, bản tự khai lập ngày 02/11/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Ánh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu sau kết hôn cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do anh L không chí thú làm ăn hay tụ tập nhậu nhẹt và rất rảnh rỗi nên có nhiều mối quan hệ nam nữ bên ngoài. Thấy tình hình tệ nên chị đã khuyên răn nhẹ nhàng nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã

sống ly thân từ tháng 5/2019. Đến tháng 02/2021 anh L tìm về và muốn kết nối lại cùng nuôi con. Thời gian đầu sau khi quay về anh L có tu chí làm ăn nhưng không bỏ được tính cách ăn chơi. Cùng thời gian này, chị S phát hiện trong thời gian ly thân, anh L đã chung sống công khai với người phụ nữ khác. Ngoài ra, anh L còn nhiều lần kiểm soát hành hung, chửi mắng chị. Nay chị xét thấy không thể chịu đựng được nữa và vợ chồng không còn tình cảm từ lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 con chung là Lê Anh H sinh ngày 10/4/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện vợ chồng không nợ tài sản của ai và không ai nợ vợ chồng.

Tại bản khai lập ngày 16/11/2023, bị đơn anh Lê Hoài L trình bày:

Về hôn nhân: Trong thời gian anh và chị S chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn anh và chị S đã từng ly thân rồi hợp lại sau đó lại ly thân cho đến nay. Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị S nữa nên chị S yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Nhưng vì điều kiện làm ăn xa nên anh không về Tòa án để giải quyết ly hôn nên mong Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh và chị S có 01 con chung là Lê Anh H sinh ngày 10/4/2014. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Dương Thị Ánh S ly hôn với anh Lê Hoài L.

- *Về con chung:* Chị S và anh L có 01 con chung là Lê Anh H sinh ngày 10/4/2014. Giao con chung Lê Anh H cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con

- *Về án phí:* Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Dương Thị Ánh S yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Lê Hoài L. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Hoài L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ cư trú tại: Số A T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án. Anh L là bị đơn trong vụ kiện, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/4/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo chị S khai thì quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, anh L không chí thú làm ăn, hay nhậu nhẹt và còn có hành vi bạo lực với chị... Khi giải quyết vụ án, anh L đã có văn bản trình bày quan điểm đồng ý việc ly hôn và vắng mặt tại các phiên hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh L không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Việc làm của anh L đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị S và anh L. Kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân của hai bên đúng như nội dung khởi kiện và lời khai của chị S.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh L không còn. Hiện tại mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh L.

[3] Về việc nuôi con chung:

Chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng của chị S phù hợp nguyện vọng của cháu Lê Anh H nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và sự ổn định trong sinh hoạt, học tập của con chung, căn cứ điều 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Anh H, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014. Chị S không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hiện tại không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39, 266; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ánh S.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Dương Thị Ánh S ly hôn với anh Lê Hoài L.

2. *Về con chung:* Giao con chung Lê Anh H, sinh ngày 10/4/2014 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị S tính từ ngày hôm nay (26/3/2024) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002217 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung quỹ Nhà nước (Đã nộp xong)

4. *Quyền kháng cáo:* Chị S có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/3/2024. Anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn